

KẾ HOẠCH

Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lào Cai đến năm 2035

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Thực hiện Thông báo kết luận số 46-TB/TGV ngày 30/9/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị triển khai nhanh, đồng bộ, hiệu quả; Kế hoạch hành động số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lào Cai đến năm 2035, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ khả thi, hiệu quả và phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung vào các ngành có lợi thế như: khai khoáng - chế biến sâu, nông nghiệp đặc sản vùng cao, du lịch sinh thái - văn hóa, logistics và kinh tế cửa khẩu.

- Làm cơ sở định hướng xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh trong giai đoạn 2026-2035.

- Tăng năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và tổ chức trên địa bàn, thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, hiện đại và bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và góp phần thực hiện mục tiêu phát triển Lào Cai trở thành tỉnh công nghiệp - dịch vụ hiện đại vào năm 2035.

2. Yêu cầu

- Lộ trình phải bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, toàn diện và khả thi, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu thế công nghệ trong nước, quốc tế.

- Bám sát thực tiễn, phát huy tiềm năng, lợi thế đặc thù của từng ngành, lĩnh vực; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và kết quả đầu ra cụ thể trong từng giai đoạn.

- Phân công rõ trách nhiệm giữa các sở, ngành, địa phương, đơn vị; có mốc thời gian hoàn thành và cơ chế phối hợp, giám sát, đánh giá định kỳ.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia, bảo đảm tính mở, linh hoạt của lộ trình để kịp thời cập nhật, điều chỉnh theo yêu cầu thực tế.

- Gắn kết với các chương trình, chiến lược, kế hoạch hiện hành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, tránh chồng chéo, trùng lặp và bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Khảo sát, đánh giá toàn diện hiện trạng công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo

a) Mục tiêu: Nắm bắt chính xác hiện trạng công nghệ, mức độ đổi mới công nghệ và năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh; làm cơ sở khoa học để xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ phù hợp thực tiễn.

b) Nội dung thực hiện:

- Điều tra, thu thập dữ liệu về công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất, mức độ tự động hóa, số hóa, tiêu hao năng lượng, phát thải môi trường của các doanh nghiệp trong các ngành trọng điểm.

- Đánh giá trình độ công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp theo phương pháp và tiêu chí quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định khác có liên quan.

- Phân loại trình độ công nghệ theo các cấp: lạc hậu, trung bình, tiên tiến, hiện đại; xác định doanh nghiệp có tiềm năng đổi mới công nghệ cao.

- Tổng hợp, phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo hiện trạng công nghệ cấp tỉnh, trong đó chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của từng ngành.

- Đề xuất danh mục công nghệ cần đổi mới, thay thế hoặc chuyển giao ưu tiên, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2035.

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, UBND các xã, phường.

e) Sản phẩm đầu ra: Báo cáo tổng hợp đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

f) Thời gian thực hiện: Từ Quý IV/2025 đến hết Quý II/2026.

2. Nghiên cứu, phân tích xu hướng và xây dựng báo cáo định hướng

a) Mục tiêu: Phân tích xu hướng phát triển công nghệ trong nước và quốc tế, nhận diện công nghệ mới, công nghệ cốt lõi có khả năng ứng dụng vào các ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lào Cai; làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất định hướng và nội dung của lộ trình đổi mới công nghệ.

b) Nội dung thực hiện:

- Tổng hợp, phân tích xu hướng công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực: khai khoáng, chế biến sâu, nông nghiệp đặc sản, logistics và du lịch thông minh. Tập trung vào các công nghệ có khả năng ứng dụng cao như: tự động hóa, số hóa, công nghệ chuỗi lạnh, công nghệ chế biến sâu, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng sạch, công nghệ quản lý dữ liệu và truy xuất nguồn gốc.

- Đánh giá khả năng tiếp cận và ứng dụng các công nghệ này tại tỉnh Lào Cai, căn cứ vào đặc điểm kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

- Xác định công nghệ ưu tiên và công nghệ nền tảng cho từng ngành trọng điểm (ví dụ: công nghệ khai thác xanh trong khai khoáng; công nghệ chiết xuất, sấy tầng sôi trong chế biến dược liệu; công nghệ du lịch số và dữ liệu mở trong du lịch).

- Phân tích mô hình, kinh nghiệm thành công của các địa phương khác trong nước (như Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn) về đổi mới công nghệ và chuyển đổi số trong các ngành tương đồng để rút ra bài học phù hợp cho tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng Báo cáo định hướng đổi mới công nghệ của tỉnh đến năm 2035, gồm: Bối cảnh, xu hướng và yêu cầu đổi mới công nghệ theo ngành. Danh mục công nghệ ưu tiên, công nghệ cốt lõi. Đề xuất định hướng, mục tiêu và lộ trình chuyển đổi theo giai đoạn (2026-2030, 2031-2035).

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia và doanh nghiệp có năng lực trong lĩnh vực công nghệ.

e) Sản phẩm đầu ra: Báo cáo “Định hướng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035”.

f) Thời gian thực hiện: Từ Quý II đến hết Quý III năm 2026.

3. Xây dựng dự thảo lộ trình và tổ chức Hội thảo tham vấn

a) Mục tiêu: Hoàn thiện nội dung dự thảo lộ trình đổi mới công nghệ trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá và báo cáo định hướng; bảo đảm tính thực tiễn, đồng bộ và khả thi thông qua việc lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia, doanh nghiệp và cơ quan liên quan.

b) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng dự thảo lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035, bao gồm: Định hướng, mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể theo giai đoạn. Danh mục công nghệ ưu tiên, công nghệ nền tảng và công nghệ khuyến khích đổi mới. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho từng ngành, lĩnh vực (*khai khoáng - chế biến sâu, nông nghiệp đặc sản, logistics cửa khẩu, du lịch thông minh...*). Phân công trách nhiệm thực hiện và cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Đề xuất chính sách hỗ trợ, nguồn lực tài chính và cơ chế giám sát, đánh giá.

- Tổ chức các hội thảo, tọa đàm tham vấn, lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Lộ trình từ: Các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, phường. Các hiệp hội doanh nghiệp, hợp tác xã và doanh nghiệp tiêu biểu thuộc các ngành trọng điểm.

- Tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Lộ trình, bảo đảm nội dung rõ ràng, khả thi, có lộ trình thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn.

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; Ban Quản lý Khu kinh tế; Ban Quản lý các Khu công nghiệp; các viện nghiên cứu, trường đại học; hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp.

e) Sản phẩm đầu ra:

- Dự thảo hoàn chỉnh “Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035”.

- Biên bản, tổng hợp ý kiến hội thảo, tọa đàm tham vấn.

f) Thời gian thực hiện: Từ Quý III đến hết Quý IV năm 2026.

4. Hoàn thiện dự thảo lộ trình và xây dựng các cơ chế, chính sách đồng bộ

a) Mục tiêu: Hoàn thiện nội dung lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035; đồng thời đề xuất các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện lộ trình một cách hiệu quả, bền vững.

b) Nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện dự thảo Lộ trình trên cơ sở tiếp thu, chỉnh lý ý kiến của các sở, ngành, chuyên gia và doanh nghiệp sau hội thảo tham vấn.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, tập trung vào các nhóm chính sau: Chính sách tài chính - tín dụng: hỗ trợ một phần chi phí đánh giá trình độ công nghệ, nghiên cứu - phát triển (R&D), thí điểm và chuyển giao công nghệ; khuyến khích hình thành Quỹ đổi mới công nghệ cấp tỉnh. Chính sách ưu đãi đầu tư: miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, mặt bằng sản xuất

cho các dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: tư vấn công nghệ, hỗ trợ lập dự án đổi mới, cải tiến công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ, đào tạo nhân lực kỹ thuật, hỗ trợ sử dụng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Chính sách phát triển hạ tầng và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh; phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn, phòng thí nghiệm dùng chung, trung tâm ươm tạo và chuyển giao công nghệ. Chính sách liên kết vùng và hợp tác quốc tế: khuyến khích hợp tác với các viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, thu hút đầu tư công nghệ cao.

- Hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và ban hành Lộ trình theo quy định hiện hành.

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các sở, ngành liên quan.

e) Sản phẩm đầu ra: Báo cáo hoàn thiện lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035. Dự thảo các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Lộ trình.

f) Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2026.

5. Thẩm định, phê duyệt và ban hành lộ trình

a) Mục tiêu: Bảo đảm lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lào Cai được xem xét, thẩm định, phê duyệt và ban hành đúng quy định, làm căn cứ triển khai thống nhất trên toàn tỉnh.

b) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức thẩm định nội dung lộ trình, bao gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực, lộ trình thực hiện và cơ chế chính sách kèm theo.

- Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt, trong đó làm rõ căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học, thực tiễn và tính khả thi của lộ trình.

- Ban hành Quyết định phê duyệt lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035, làm cơ sở để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm.

- Công bố và phổ biến lộ trình tới các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã; hướng dẫn triển khai thực hiện, giám sát và cập nhật theo chu kỳ.

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã, phường.

e) Sản phẩm đầu ra: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt “Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035”. Tài liệu phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện lộ trình trên địa bàn tỉnh.

g) Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2026.

IV. TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1 (Từ nay - 12/2026): Hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị, khảo sát, đánh giá, nghiên cứu xu hướng, xây dựng và phê duyệt lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lào Cai đến năm 2035.

2. Giai đoạn 2 (2027 - 2030): Triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm theo Lộ trình đổi mới công nghệ đã được phê duyệt; đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ nhằm điều chỉnh, hoàn thiện các nội dung phù hợp với tình hình thực tế.

3. Giai đoạn 3 (2031 - 2035): Hoàn thiện, mở rộng và tối ưu hóa các mô hình, dự án đổi mới công nghệ đã triển khai trong giai đoạn trước; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ, góp phần đưa Lào Cai trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ - du lịch hiện đại của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

4. Kinh phí thực hiện: Bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN, nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP) và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035.

- Tổng hợp, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm hoặc theo giai đoạn báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai và đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp thực tế.

- Đầu mối phối hợp với cơ quan chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các viện, trường, tổ chức trong và ngoài nước để thu hút nguồn lực, công nghệ tiên tiến và chuyên gia phục vụ cho hoạt động đổi mới công nghệ của tỉnh.

- Tham mưu thành lập Tổ công tác để bảo đảm công tác chỉ đạo, điều phối và triển khai các hoạt động xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của tỉnh được thống nhất, hiệu quả và đúng tiến độ.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí và quản lý kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch. Đề xuất giải pháp huy động đa dạng nguồn lực tài chính: nguồn xã hội hóa, hợp tác công tư (PPP), vốn

vay ưu đãi, viện trợ, tài trợ hợp pháp trong và ngoài nước để hỗ trợ các hoạt động đổi mới công nghệ của tỉnh đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả và công khai, minh bạch.

- Tham mưu cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, bao gồm: hỗ trợ chi phí đánh giá trình độ công nghệ, nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ; ưu đãi thuế, tín dụng, tiền thuê đất cho các dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

3. Sở Công Thương

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm của các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Đề xuất định hướng ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất công nghiệp, logistics, thương mại điện tử, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu theo hướng xanh, tiết kiệm năng lượng và hiện đại hóa.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ, mức độ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp - thương mại; xác định các lĩnh vực, doanh nghiệp ưu tiên hỗ trợ chuyên đổi công nghệ. Triển khai các chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, chuyển đổi số, kết nối cung cầu công nghệ, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

- Theo dõi, tổng hợp kết quả đổi mới công nghệ trong lĩnh vực công thương, định kỳ báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản, tài nguyên và môi trường phục vụ xây dựng, cập nhật và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ của tỉnh. Đề xuất danh mục công nghệ ưu tiên, công nghệ cốt lõi và giải pháp đổi mới công nghệ phục vụ chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng thông minh, hữu cơ, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ, mức độ ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản, lâm sản, dược liệu và trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phát triển vùng nguyên liệu bền vững, và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất.

- Tổng hợp kết quả đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh định kỳ.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các công nghệ, giải pháp đổi mới phục vụ phát triển du lịch thông minh và bền vững.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xác định các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trọng tâm trong lĩnh vực du lịch, xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch và phát triển các mô hình du lịch số gắn với kinh tế xanh, kinh tế đêm, kinh tế trải nghiệm, đảm bảo phù hợp với đặc thù của tỉnh Lào Cai.

- Tổ chức các hoạt động đào tạo, tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp du lịch, hợp tác xã, cơ sở dịch vụ ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành, marketing và trải nghiệm du khách.

- Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các khu công nghiệp

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất, logistics, quản lý kho bãi, hải quan, thông quan và xử lý môi trường tại khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất các công nghệ trọng tâm cần đổi mới, chuyển giao hoặc đầu tư mới. Tham gia xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ trong lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035, phù hợp với đặc thù khu kinh tế cửa khẩu và khu công nghiệp của tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong khu công nghiệp và khu kinh tế tiếp cận chính sách, nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả đổi mới công nghệ tại khu kinh tế và khu công nghiệp, định kỳ gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá chung của tỉnh.

7. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo chuyên ngành phục vụ khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ, xác định nhu cầu đổi mới công nghệ và đề xuất nhiệm vụ khoa học - công nghệ gắn với thực tiễn.

- Phối hợp triển khai các hoạt động khảo sát, hội thảo, tập huấn và tham vấn chính sách, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

- Đề xuất các giải pháp, cơ chế hỗ trợ nhằm thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc địa phương quản lý;

đồng thời phát hiện, phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đề tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

8. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động doanh nghiệp tích cực tham gia khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ. Tập hợp, phản ánh nhu cầu, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số và tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và cơ quan chuyên môn tổ chức các hội thảo, diễn đàn, chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp hội viên về quản trị công nghệ, ứng dụng số, thương mại điện tử, tiêu chuẩn chất lượng, quản lý đổi mới sản phẩm; kết nối cung - cầu công nghệ, tư vấn - chuyển giao công nghệ, hội nghị xúc tiến đầu tư, thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp với viện, trường, tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước. Đề xuất các mô hình, giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp hội viên, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sản xuất - chế biến.

- Báo cáo kết quả triển khai, đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ gửi Sở Khoa học và Công nghệ để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá.

Yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, XD-TNMT, VX, NC (Khánh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Sinh